

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:173/2020/DS-PT

Ngày: 19-6-2020

V/v tranh chấp
“Hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Hiệp.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Song Bình.

Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Liễu Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy- Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 5 và 19 tháng 6 năm 2020, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2020/TLPT-DS ngày 17 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 282/2019/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 73/2020/QĐ-PT ngày 02 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Diệp Châu Ph, sinh năm 1980 (có mặt);

Địa chỉ: phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang;

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1976 (có mặt);

Địa chỉ: xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Trần Thanh Q, sinh năm 1974 (có mặt);

Địa chỉ: xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

Người kháng cáo: Bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Nguyên đơn chị Diệp Châu Ph trình bày:*

Do có quen biết, nên vào ngày 02/4/2019 chị có cho chị T vay số tiền 500.000.000 đồng, không lãi suất, thỏa thuận ba tháng đầu mỗi tháng chị T trả cho chị 100.000.000 đồng, bắt đầu trả từ ngày 05/5/2019 đến hết ngày 05/7/2019. Số tiền 200.000.000 đồng còn lại thỏa thuận trả mỗi tháng 50.000.000 đồng, bắt đầu trả từ ngày 15/8/2019 đến ngày 07/11/2019. Khi vay tiền chị T có viết biên nhận mượn tiền, có chồng chị T là anh Trần Thanh Q ký tên vào biên nhận đồng ý với nội dung biên nhận của chị T viết, việc vay tiền có anh Phan Thanh Ph làm chứng. Sau khi vay, chị T trả được 180.000.000 đồng thì ngưng không trả nữa.

Do chị T và anh Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết nên chị khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Trần Thanh Q có trách nhiệm liên đới trả cho chị số tiền 320.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi, yêu cầu thực hiện ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng T trình bày:*

Thông nhất về số tiền mà chị đã vay của chị Ph là 500.000.000đồng, sau khi vay chị đã trả được cho chị Ph 180.000.000 đồng, còn nợ chị Ph là 320.000.000 đồng, do công việc làm ăn gặp khó khăn nên chị đã không thực hiện trả nợ đúng như đã thỏa thuận. Nay chị Ph khởi kiện thì chị đồng ý trả cho chị Ph số tiền còn nợ là 320.000.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Q trình bày:*

Anh thống nhất ý kiến trình bày của vợ anh là chị T. Nay qua yêu cầu khởi kiện của chị Ph, anh đồng ý cùng vợ là chị T trả cho chị Ph số tiền còn nợ là 320.000.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 282/2019/DS-ST ngày 30/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng Điều 463, 466, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Diệp Châu Ph.

1. Buộc chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Trần Thanh Q có trách nhiệm liên đới trả cho chị Diệp Châu Ph số tiền vay là 320.000.000đồng (ba trăm hai mươi triệu đồng), thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Trần Thanh Q phải chịu 16.000.000 đồng.

- Hoàn lại chị Diệp Châu Ph 8.250.000 đồng tiền tạm ứng án đã nộp theo biên lai thu số 01219 ngày 26/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Kể từ ngày chị Ph có yêu cầu thi hành án, nếu chị T và anh Q chậm thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 30 tháng 9 năm 2019, bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng T có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án, chị yêu cầu cấp phúc thẩm ghi nhận việc chị có đóng 10 tháng tiền lãi cho bà Diệp Châu L với lãi suất 15 phân/tháng, mỗi tháng trả cho bà L là 75.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi suất mà chị đã đóng hơn 10 tháng qua theo lãi suất nhà nước quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự trình bày, tranh luận:

- Nguyên đơn: chị Diệp Châu Ph khai rằng do chị và bị đơn là bạn bè chơi chung với nhau, nên chị mới cho chị T mượn số tiền 500.000.000 đồng và chị T đã trả cho chị được 180.000.000 đồng, còn lại số tiền 320.000.000 đồng chưa trả, nên chị yêu cầu chị T cùng chồng chị T là anh Q phải có trách nhiệm trả cho chị số tiền nợ còn lại. Chị đồng ý và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm lấy lời khai anh Phương, chị có nghĩa vụ cung cấp số điện thoại và địa chỉ anh Phương để Tòa án làm việc.

- Bị đơn: chị Nguyễn Thị Hồng T khai rằng số tiền nợ như nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chị trả 320.000.000 đồng là chị không mượn trực tiếp của chị Ph, số tiền này chị mượn của chị L (em ruột chị Ph) nhưng sau đó chị L và chị Ph yêu cầu chị viết biên nhận nợ tiền của chị Ph và chị Ph kiện chị yêu cầu chị phải trả, trong khi đó chị đã trả tiền lãi cho chị L rất nhiều lần thông qua chuyển khoản ngân hàng.

- Ngày 21/5/2020, chị T yêu cầu Tòa án tạm ngừng phiên tòa để chị T cung cấp bổ sung chứng cứ về số tiền đã trả cho chị L.

- Ngày 19/6/2020, Tòa án cấp phúc thẩm mở lại phiên tòa, bị đơn cung cấp 38 phiếu ủy nhiệm chi do Ngân hàng Sacombank cung cấp thể hiện nội dung chuyển tiền giữa Nguyễn Thị Hồng T và Diệp Châu L, trong khoảng thời gian từ 03/4/2018 đến 27/5/2019. Với số tiền hai bên giao dịch là 1.046.280.000 đồng (tháng chuyển nhiều nhất là 368.500.000 đồng, tháng ít nhất 10.000.000 đồng), không thể hiện nội dung gì liên quan đến việc vay nợ và biên nhận nợ với nguyên đơn Diệp Châu Ph.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ, lời trình của các bên đương sự tại phiên tòa, cho thấy bị đơn thừa nhận tổng số tiền nợ, số tiền đã trả phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn, phù hợp với biên nhận mà bị đơn và chồng đã ký nhận. Tại phiên phúc thẩm bị đơn khai và yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm ngừng phiên tòa để thu thập chứng cứ chứng minh việc chuyển giao tiền nợ nhưng không có cơ sở chứng minh như lời trình bày của bị đơn. Do đó, xét thấy yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị Hồng T là không có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn tiếp tục giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm ghi nhận việc chị có đóng 10 tháng tiền lãi cho chị Diệp Châu L với lãi suất 15 phân(%) /tháng, mỗi tháng trả cho chị L là 75.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi suất mà chị đã đóng hơn 10 tháng qua theo lãi suất nhà nước quy định. Qua lời trình bày, tranh luận của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Diệp Châu Ph yêu cầu Tòa án buộc chị Nguyễn Thị Hồng T phải trả cho chị Ph số tiền nợ còn lại là 320.000.000 đồng trên tổng số nợ đã mượn là 500.000.000 đồng đã trả được 180.000.000 đồng theo giấy biên nhận tiền ngày 02/4/2019.

- Tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn Nguyễn Thị Hồng T thừa nhận có mượn số tiền nêu trên như chị Ph trình bày. Vào ngày 02 tháng 4 năm 2019 bị đơn có mượn của chị Ph số tiền 500.000.000 đồng không lãi suất và thỏa thuận về thời gian trả tiền cho chị Ph theo như nội dung biên nhận tiền ghi ngày 2/4/2019 (BL05). Sau đó bị đơn đã trả cho chị Ph 180.000.000 đồng thì không còn khả năng trả số tiền nợ còn lại, tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn xin trả dần số tiền nợ 320.000.000 đồng mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

- Tuy nhiên, theo đơn kháng cáo của bị đơn Tiên cho rằng chị không mượn tiền của chị Diệp Châu Ph mà mượn tiền của chị Diệp Châu L và đóng 10 tháng tiền lãi cho chị Diệp Châu L với lãi suất 15 phân/tháng, mỗi tháng trả cho chị L là 75.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi suất mà chị đã đóng hơn 10 tháng qua theo lãi suất nhà nước quy định.

- Sau khi tạm ngừng phiên tòa phúc thẩm, bị đơn cung cấp 38 phiếu ủy nhiệm chi do Ngân hàng Sacombank cung cấp thể hiện nội dung chuyển tiền giữa Nguyễn Thị Hồng T và Diệp Châu L, thời gian từ 03/4/2018 đến

27/5/2019. Với số tiền hai bên giao dịch là 1.046.280.000 đồng (tháng chuyển nhiều nhất là 368.500.000 đồng, tháng ít nhất 10.000.000 đồng), không thể hiện nội dung gì liên quan đến việc vay nợ và biên nhận nợ với nguyên đơn Diệp Châu Ph và cũng không phù hợp với nội dung bị đơn kháng cáo về số tiền lãi suất 15%/tháng, bị đơn khai đã trả được 10 tháng tiền lãi, mỗi tháng tương đương 75.000.000 đồng, thời gian cũng không phù hợp và hợp lý với biên nhận vay tiền của nguyên đơn Ph mà bị đơn và chồng ký ngày 02/4/2019. Vì thời gian trên phiếu ủy nhiệm chi thể hiện ngày 03/4/2019 bị đơn trả cho Diệp Châu L 10.000.000 đồng, ngày 05/5/2019 chuyển 25.000.000 đồng, ngày 07/5/2019 chuyển 25.000.000 đồng, ngày 27/5/2019 chuyển 20.000.000 đồng. Từ những căn cứ đó cho thấy bị đơn giao dịch với Diệp Châu L số tiền trên không liên quan đến số tiền nợ mà nguyên đơn Diệp Châu Ph khởi kiện bị đơn Nguyễn Thị Hồng T. Phù hợp với lời khai người làm chứng anh Phan Thanh Ph là người có mặt và viết biên nhận mượn tiền mà bị đơn T và chồng là anh Q ký nhận.

- Việc bị đơn nợ tiền của nguyên đơn Diệp Châu Ph thể hiện tại biên nhận ngày 02/4/2019 đã trả được một phần 180.000.000 đồng, số tiền nợ còn lại phải trả là 320.000.000 đồng là phù hợp với biên nhận, lời trình bày của các đương sự. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy nội dung kháng cáo, lời khai tại phiên tòa phúc thẩm của bị đơn Nguyễn Thị Hồng T không liên quan đến nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

- Nguyên đơn không đồng ý cho bị đơn trả số nợ 320.000.000 đồng nhiều lần, mỗi tháng 10.000.000 đồng, xét thấy các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về phương thức, thời hạn, số tiền thanh toán. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận theo yêu cầu của bị đơn, cần buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả số tiền còn nợ cho nguyên đơn khi án có hiệu lực pháp luật.

- Căn cứ vào hồ sơ, tài liệu, lời trình bày của các đương sự và diễn biến tại phiên tòa không thể hiện việc tranh chấp tiền lãi, không liên quan đến chị Diệp Châu L như đơn kháng cáo của chị T trình bày. Nếu giữa chị T và chị Diệp Châu L có tranh chấp về số tiền như chị T khai thì chị T có quyền khởi kiện một vụ án khác để Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định pháp luật.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn, nguyên đơn không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì khác để chứng minh nội dung kháng cáo của mình.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét nội dung kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị Hồng T nên bác toàn bộ nội dung kháng cáo. Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử có căn cứ, đúng pháp luật, cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 282/2019/DS-ST ngày 30/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị Hồng T không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 463, 466, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị Hồng T.

- Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 282/2019/DS-ST ngày 30/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Diệp Châu Ph.

1. Buộc chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Trần Thanh Q có trách nhiệm liên đới trả cho chị Diệp Châu Ph số tiền vay là 320.000.000 đồng (ba trăm hai mươi triệu đồng), thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Trần Thanh Q phải chịu 16.000.000 đồng.

- Hoàn lại chị Diệp Châu Ph 8.250.000 đồng tiền tạm ứng án đã nộp theo biên lai thu số 01219 ngày 26/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Chị Nguyễn Thị Hồng T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số: 01426 ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Chi cục thi hành án huyện C, xem như chị T đã thực hiện xong án phí dân sự phúc thẩm.

3. Kể từ ngày chị Ph có yêu cầu thi hành án, nếu chị T và anh Q chậm thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự; Đăng công TTĐT;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;
DSPT-2020.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Hiệp